

MẪU BÁO CÁO TUẦN CÔNG TÁC TƯ VẤN GIÁM SÁT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BÁO CÁO TUẦN CÔNG TÁC TƯ VẤN GIÁM SÁT

Tuần.....(từ ngày...../...../..... đến ngày...../...../.....)

Kính gửi:

- Chủ đầu tư:.....

- Đơn vị quản lý dự án:.....

1. Cơ sở lập báo cáo

2. Thông tin chung về gói thầu thi công nạo vét

- Tên công trình: Nạo vét duy tu.....

- Nhà thầu thi công nạo vét:.....

- Nhà thầu phụ (nếu có):

- Phạm vi thi công:

- Khối lượng nạo vét theo thiết kế:

- Vị trí đổ chất nạo vét:

- Biện pháp thi công chính:

- Tiến độ hoàn thành công trình:.....

- Ngày khởi công công trình:

3. Khái quát về gói thầu tư vấn giám sát

- Tên gói thầu:

- Tên Nhà thầu tư vấn giám sát:

- Thời gian thực hiện:.....
- Hình thức lựa chọn nhà thầu:
- Hình thức hợp đồng:

4. Tổ chức nhân sự thực hiện công tác giám sát

a) Đại diện đơn vị quản lý dự án..... tại hiện trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại - Email	Ghi chú

b) Tư vấn giám sát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại - Email	Ghi chú

5. Các công tác của tư vấn giám sát trong tuần

.....

6. Chi tiết nhà thầu thực hiện và khối lượng đạt được

a) Các công tác chính Nhà thầu thực hiện trong tuần

.....

b) Nhân lực do Nhà thầu huy động trên công trường tại thời điểm báo cáo

- Nhân sự Ban chỉ huy công trường:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Điện thoại - Email	Ghi chú

--	--	--	--	--	--

- Công nhân lao động, thủy thủ, thuyền viên: (số lượng)..... người.

c) Thiết bị thi công nhà thầu đã huy động đến công trường:

(Chi tiết tại Mẫu tổng hợp số 01 kèm theo)

d) Công tác thi công nạo vét:

- Tổng số chuyển vận chuyển chất nạo vét đi đổ trong tuần báo cáo:

- Lũy kế tổng số chuyển vận chuyển chất nạo vét đi đổ từ khi khởi công đến hết tuần báo cáo:

(Chi tiết tại Mẫu tổng hợp số 02 kèm theo)

7. Các hồ sơ, tài liệu, văn bản trong tuần

a) Các hồ sơ, tài liệu, văn bản Nhà thầu phát hành đến TVGS trong tháng:

.....

b) Các hồ sơ, tài liệu, văn bản TVGS phát hành trong tháng:

.....

c) Các hồ sơ, tài liệu, văn bản Chủ đầu tư phát hành trong tháng:

.....

8. An toàn lao động và vệ sinh môi trường

.....

9. Kế hoạch hoạt động của tư vấn giám sát trong tuần tới (từ ngày tháng năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...)

.....

10. Nhận xét và kiến nghị

....., ngày tháng năm...

Tư vấn giám sát

(Người lãnh đạo đơn vị ký tên và đóng
dấu)

Nơi gửi:

- Như kính gửi;
- Nhà thầu thi công..... (để phối hợp);
- Lưu.

Ghi chú: Tài liệu gửi kèm theo báo cáo này, gồm:

- Các Mẫu tổng hợp số 01, số 02, số 03 và số 04;
- Tài liệu liên quan khác.....

MẪU SỐ 01: BẢNG TỔNG HỢP THIẾT BỊ THI CÔNG

(Đã được chấp thuận hoạt động thi công)

Công trình:

T	Tên phương tiện	Số đăng ký hành chính của phương tiện	Cấp phườn g tiện/V ùng hoạt động	Công suất (CV/H P). Sức nâng (T). Trọng tải toàn phần/S ức chở/	Cô ng dụng g	Số đăng kiểm/số phân cấp... Hiệu lực ngày .../.../... đến ngày.../ .../...	GXN hoạt động TBGSN V số... Hiệu lực từ ngày.../ .../... đến	GCN Bảo hiểm PT số ... Hiệu lực từ ngày .../.... /...	VB cấp phép thi công số ... hiệu lực từ ngày.../ .../... đến ngày.../..	Chủ phườn g tiện/đ ơn vị sử dụng/t huê phườn g tiện	Theo HSDT/ thay thế/bổ sung theo VB chấp thuận số ...ngày.../ .../... của...	Họ và tên thuy ền trưở ng/ ngư ời điều
---	-----------------------	--	--	--	-----------------------	---	---	--	---	--	---	---

				Khả năng khai thác/Lư ợng chở hàng (T)			ngày.../.../ . Luồng ĐK hoạt động	đến ngày.../ .../...		theo HĐ số ... ngày .../.../ ...		khie n chín h
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1												
..												

Ghi chú:

- Cột (2): Ghi theo Giấy chứng nhận đăng ký hành chính hoặc Đăng kiểm phương tiện (Ví dụ: Thái Bình Dương);

- Cột (3): Ghi theo Giấy chứng nhận đăng ký hành chính hoặc Đăng kiểm phương tiện (Ví dụ: HP4165);

- Cột (4): Ghi theo Đăng kiểm phương tiện (Ví dụ: VR-SB hoặc Biển hạn chế III);

- Cột (5): Tàu kéo ghi công suất (CV/HP). Cầu thì ghi sức nâng (T). Tàu hút phun ghi năng suất (m³/h). Phương tiện vận chuyển ghi Trọng tải toàn phần/Sức chở/ Khả năng khai thác/Lượng chở hàng (T);

- Cột (6): Ghi theo Giấy chứng nhận đăng ký hành chính hoặc Đăng kiểm phương tiện;

- Cột (7): Ghi Số đăng kiểm/số phân cấp của thiết bị (ví dụ: tàu Sông ghi Số đăng kiểm (Ví dụ: V15-02582); Hiệu lực từ ngày ... đến ngày ... Tàu biển ghi số phân cấp (Ví dụ: VR870333. Hiệu lực từ ngày đến ngày ...);

- Cột (8): Ghi Giấy xác nhận hoạt động thiết bị giám sát nạo vét (Ví dụ: GXN số HP-04/2016. Hiệu lực từ ngày... đến ngày ... Luồng Phà rừng, Sông Cấm;

- Cột (9): Ghi Giấy chứng nhận bảo hiểm phương tiện (Ví dụ: GCN bảo hiểm số TEA 0006692. Hiệu lực từ ngày ... đến ngày...);

- Cột (10): Ghi văn bản cấp phép thi công (Ví dụ: văn bản số 2177/CVHHHP-QLC. Hiệu lực từ ngày ... đến ngày ...);

- Cột (11): Ghi tên chủ phương tiện/đơn vị sử dụng/thuê phương tiện (Công ty A/Công ty B thuê phương tiện theo Hợp đồng số ... ngày ...);

- Cột (12): Ghi Phương tiện theo Hồ sơ dự thầu/ thay thế/bổ sung (Ví dụ: Ghi bổ sung theo văn bản chấp thuận số 2620/TCT... ngày ... của).

MẪU SỐ 02: BẢNG TỔNG HỢP CÔNG TÁC THI CÔNG

(Tổng hợp từ nhật ký thi công)

Công trình: Nạo vét duy tu

TT	Ngày/ tháng/ năm	Số chuyến vận chuyển chất nạo vét của phương tiện	Tổng số chuyến vận chuyển	Khối lượng theo kế hoạch trong HSD T/ điều chỉnh (m ³ / ngày)	Tỷ lệ (%)	Thời gian thực hiện hợp đồng còn lại theo Hợp đồng ban đầu/ Điều chỉnh (ngày)	Nhận xét	Nhà thầu báo dừng thi công do ảnh hưởng bởi điều kiện thời tiết và thiết bị thi công bị sự cố (ngày)
----	------------------------	--	---------------------------------------	---	-----------	--	-------------	--

		(Tên/Số ĐKHC phương tiện)	(Tên/Số ĐKHC phương tiện)	(Tên/Số ĐKHC phương tiện)			Khối lượng ước tính đã thực hiện so với kế hoạch trong HSD T/ điều chỉnh	Khối lượng ước tính đã thực hiện so với tổng KL phải thực hiện theo HĐ/đi ề u chỉnh (theo Hợp đồng m3)	Thờ i gian đã thực hiện so với thời gian hoà n thàn h theo HĐ ban đầu/ Điề u chỉnh h (the o Hợp đồng g ... ngà y)			
--	--	------------------------------------	------------------------------------	------------------------------------	--	--	---	--	---	--	--	--

		Vị trí thi côn g (Mã t cắt số ... đến Mặt cắt số ...)	Số chuyể n	Vị trí thi côn g (Mã t cắt số ... đến Mặt cắt số ...)	Số chuyể n	Vị trí thi côn g (Mã t cắt số ... đến Mặt cắt số ...)	Số chuyể n								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
Tuầ n 1	<i>Cộn g tuần 1</i>														
	Lũy kế														
...															
Tuầ n 2	<i>Cộn g tuần 2</i>														
...	Lũy kế ...														

Ghi chú:

Cột (15): Ghi số phương tiện thực thi công trong ngày/số phương tiện đã được cấp phép thi công. Nguyên nhân các phương tiện không thi công và Ghi các nhận xét khác cần thiết (Ví dụ: Chưa đủ phương tiện theo HSDT, không đạt kế hoạch);

Cột (16): Ghi rõ đặc điểm thời tiết (sóng cấp ..., gió cấp...) và nguyên nhân sự cố.

MẪU SỐ 03: TỔNG HỢP DỮ LIỆU ẢNH CHỤP TRÊN PHƯƠNG TIỆN

(Sử dụng cho phương tiện có Camera chung cho các khoang chứa chất nạo vét)

Công trình:			Số chuyến thực hiện lũy kể từ đầu: ... chuyến
Nhà thầu thi công:			
Phương tiện thi công:	Ngày... /... /20....	Chuyến thứ: ... trong ngày	
Ảnh khoang chứa chất nạo vét	Ảnh màn hình Camera		Ảnh màn hình AIS
1. Trước khi nhận chất nạo vét			
	<i>(Sử dụng cho phương tiện có Camera chung cho các khoang chứa chất nạo vét)</i>		
2. Sau khi nhận chất nạo vét			
	<i>(Sử dụng cho phương tiện có Camera chung cho các khoang chứa chất nạo vét)</i>		
Ảnh khoang chứa chất nạo vét	Ảnh màn hình Camera		Ảnh màn hình AIS
3. Trước khi xả chất nạo vét			
	<i>Sử dụng cho phương tiện có Camera chung cho các khoang chứa chất nạo vét)</i>		
4. Sau khi xả chất nạo vét			
	<i>((Sử dụng cho phương tiện có Camera chung cho các khoang chứa chất nạo vét)</i>		

MẪU SỐ 04: TỔNG HỢP DỮ LIỆU ẢNH CHỤP TRÊN PHƯƠNG TIỆN

(Sử dụng cho phương tiện có Camera riêng biệt cho từng khoang chứa chất nạo vét)

Công trình:			Số chuyến thực hiện lũy kế từ đầu: ...chuyến
Nhà thầu thi công:			
Phương tiện thi công	Ngày: ... / ... / 20...	Chuyến thứ: ...trong ngày	
Ảnh khoang chứa chất nạo vét (khoang mũi/khoang lái)		Ảnh màn hình Camera/Ảnh màn hình AIS	
1. Trước khi nhận chất nạo vét			
Khoang mũi		<i>(Sử dụng cho phương tiện có Camera riêng biệt cho từng khoang chứa chất nạo vét)</i> Ảnh màn hình Camera	
Khoang lái		Ảnh màn hình AIS	
Ảnh khoang chứa chất nạo vét (khoang mũi/khoang lái)		Ảnh màn hình Camera/Ảnh màn hình AIS	
2. Sau khi nhận chất nạo vét			
Khoang mũi		<i>(Sử dụng cho phương tiện có Camera riêng biệt cho từng khoang chứa chất nạo vét)</i> Ảnh màn hình Camera	
Khoang lái		Ảnh màn hình AIS	
Ảnh khoang chứa chất nạo vét (khoang mũi/khoang lái)		Ảnh màn hình Camera/Ảnh màn hình AIS	
3. Trước khi xả chất nạo vét			
Khoang mũi		<i>(Sử dụng cho phương tiện có Camera riêng biệt cho từng khoang chứa chất nạo vét)</i> Ảnh màn hình Camera	

Khoang lái	Ảnh màn hình AIS
Ảnh khoang chứa chất nạo vét (khoang mũi/khoang lái)	Ảnh màn hình Camera/Ảnh màn hình AIS
4. Sau khi xả chất nạo vét	
Khoang mũi	<i>(Sử dụng cho phương tiện có Camera riêng biệt cho từng khoang chứa chất nạo vét)</i> Ảnh màn hình Camera
Khoang lái	Ảnh màn hình AIS